

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC NỘI BỆNH LÝ 2

- Tên môn học:	NỘI BỆNH LÝ 2
- Mã môn học:	...
- Thuộc khối kiến thức/ kỹ năng:	
<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ bản	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành
X Kiến thức chuyên ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức khác
<input type="checkbox"/> Môn học chuyên về kỹ năng	<input type="checkbox"/> Môn học đồ án/ luận văn tốt nghiệp
- Số tín chỉ:	6 (2 lý thuyết + 4 thực hành)
+ Số lý thuyết/ số buổi:	30 tiết (30 tiết ca lâm sàng)
+ Số tiết thực hành/ số buổi:	8 tuần (120 tiết thực hành tại giường bệnh)
+ Thi hết môn học:	1 tuần (mỗi sinh viên thi 60 phút)
- Môn học tiên quyết:	
- Môn học song hành:	

I. MÔ TẢ

Môn học Nội khoa sẽ giúp sinh viên có được những kiến thức cơ bản trong chẩn đoán, phòng ngừa và điều trị các vấn đề và bệnh lý nội khoa phổ biến tại Việt Nam.

Chương trình nội khoa lâm sàng chia thành ba năm Y3, Y4, và Y6, trải qua 4 học phần: hai học phần Nội cơ sở 1 và 2 được thực hiện ở năm thứ 3; học phần nội bệnh lý 1 học năm thứ tư; học phần nội bệnh lý 2 học ở năm thứ sáu:

- Học phần nội cơ sở 1 và 2 (Năm 3): Tiếp cận chẩn đoán lâm sàng các vấn đề nội khoa phổ biến ở Việt Nam.
- Học phần nội bệnh lý 1 (Năm 4): Tiếp cận chẩn đoán cận lâm sàng, đối chiếu lâm sàng các vấn đề nội khoa phổ biến ở Việt Nam.
- Học phần nội bệnh lý 2 (Năm 6): Tiếp cận điều trị và phòng ngừa các bệnh lý nội khoa phổ biến tại Việt Nam.

Đề cương chi tiết này được viết riêng cho học phần nội bệnh lý 2, năm 6.

II. NGUỒN HỌC LIỆU

Giáo trình Elearning: <https://elearning.ump.edu.vn/>

Đại học Y Dược Tp HCM, Bộ môn Nội tổng quát, Tiếp cận các vấn đề nội khoa thường gặp. Nhà xuất bản Y học. 2020.

Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh, Bộ môn Nội tổng quát, Tiếp cận chẩn đoán bệnh nội khoa. Nhà xuất bản Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh. 2021.

Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh, Bộ môn Nội tổng quát, Tiếp cận điều trị bệnh nội khoa. Nhà xuất bản Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh. 2021.

Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh, Bộ môn Nội tổng quát. Triệu chứng học nội khoa. Nhà xuất bản Y học, 2012.

Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh. Bộ môn Nội tổng quát. Bệnh học nội khoa. Nhà xuất bản Y học, 2012.

Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh. Bộ môn Nội tổng quát. Điều trị học nội khoa. Nhà xuất bản Y học, 2012.

III. CHUẨN NĂNG LỰC – MỤC TIÊU HỌC TẬP

CHUẨN NĂNG LỰC

Sau khi học xong môn Nội bệnh lý 2 ở năm Y6, sinh viên có thể

1. Tích hợp kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, bệnh học, điều trị học, và y học chứng cứ để thiết lập, đánh giá chế độ điều trị và phòng ngừa (bao gồm chế độ dinh dưỡng, vận động, cai nghiện thuốc lá và rượu bia) các bệnh lý nội khoa phổ biến tại Việt Nam
2. Viết và trình bày bệnh án chẩn đoán, điều trị, và phòng ngừa các bệnh nội khoa phổ biến tại Việt Nam

- 3. Tích hợp kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, bệnh học, điều trị học, và y học chứng cứ thực hiện các thủ thuật đơn giản trong chẩn đoán, điều trị, và phòng ngừa các bệnh nội khoa phổ biến tại Việt Nam.
- 4. Tham vấn bệnh nhân và gia đình về biện pháp chẩn đoán, điều trị và phòng ngừa các bệnh nội khoa phổ biến tại Việt Nam trên cơ sở tôn trọng các chuẩn mực đạo đức và qui tắc ứng xử với bệnh nhân.
- 5. Hợp tác với các nhân viên y tế khác trong và ngoài chuyên ngành trong chẩn đoán, điều trị, phòng ngừa các bệnh nội khoa phổ biến tại Việt Nam trên cơ sở tôn trọng các chuẩn mực đạo đức và qui tắc ứng xử với đồng nghiệp.

MỤC TIÊU HỌC TẬP

MT	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT
Kiến thức	1. Tích hợp kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, bệnh học, điều trị học, và y học chứng cứ để thiết lập và đánh giá chế độ điều trị các bệnh lý nội khoa phổ biến tại Việt Nam *	C4 – C5 – C6 – C8 – C9 – C18 – C19 – C20
	2. Viết và trình bày bệnh án chẩn đoán, điều trị, và phòng ngừa các bệnh nội khoa phổ biến tại Việt Nam *	C13 – C14 – C16 – C17 – C18
Kỹ năng	3. Tích hợp kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, bệnh học, điều trị học, và y học chứng cứ để thực hiện các thủ thuật đơn giản chẩn đoán, điều trị, và phòng ngừa các bệnh nội khoa phổ biến tại Việt Nam * <ul style="list-style-type: none">• Tim mạch: Đo huyết áp tư thế, ấn xoang cảnh• Hô hấp: Lấy khí máu động mạch, hướng dẫn sử dụng các dụng cụ hít• Tiêu hóa: Chọc dò dịch bàng• Thận: Lấy bệnh phẩm nước tiểu	C15
Thái độ	4. Tham vấn bệnh nhân và gia đình về biện pháp chẩn đoán, điều trị và phòng ngừa các bệnh nội khoa phổ biến tại Việt Nam * trên cơ sở tôn trọng các chuẩn mực đạo đức và qui tắc ứng xử với bệnh nhân.	C21 – C22 – C23 – C24 – C25 – C28
	5. Hợp tác với các nhân viên y tế khác trong chẩn đoán, điều trị, phòng ngừa các bệnh nội khoa phổ biến tại Việt Nam * trên cơ sở tôn trọng các chuẩn mực đạo đức và qui tắc ứng xử với đồng nghiệp.	C26 – C27

(*) Ghi chú: Các bệnh nội khoa phổ biến ở Việt Nam giảng dạy trong học phần này bao gồm

- Tim mạch: Tăng huyết áp, suy tim mạn, hội chứng mạch vành cấp, hội chứng mạch vành mạn, bệnh van tim, phù phổi cấp.
- Hô hấp: Nhiễm khuẩn hô hấp dưới, tắc nghẽn hô hấp dưới, ho ra máu, tràn dịch màng phổi, suy hô hấp.
- Tiêu hóa: Viêm tụy cấp, xơ gan, bệnh liên quan tiết acid dịch vị, xuất huyết tiêu hóa.
- Thận: Tổn thương thận cấp, bệnh thận mạn, bệnh thận đái tháo đường, nhiễm trùng tiểu.

IV. ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	MT	Tỷ lệ
Lý thuyết			
Đánh giá thường xuyên	Bài pretest các ca lâm sàng (MCQ)	MT 1	10%
Đánh giá giữa kỳ	Tham gia thảo luận ca lâm sàng (giảng viên quan sát trực tiếp và đánh giá)	MT 1	20%
Đánh giá cuối kỳ	Thi kết thúc học phần (MCQ)	MT 1	70%
Thực hành			
Đánh giá thường xuyên	- Công việc: Hoàn tất các chỉ tiêu thực tập - Công cụ: Bảng checklist và Mini CEX, Portfolio	MT 2, 3 MT 4, 5	Điều kiện dự thi
Đánh giá giữa kỳ	- Công việc: Viết và trình bày bệnh án trên bệnh nhân thật - Công cụ: Bảng kiểm có cấu trúc OSE	MT 2 MT 4, 5	40%
Đánh giá cuối kỳ	- Công việc: Viết và trình bày bệnh án trên bệnh nhân thật - Công cụ: Bảng kiểm có cấu trúc OSE	MT 2 MT 4, 5	60%

PHƯƠNG PHÁP LƯỢNG GIÁ CHI TIẾT

Kiểm tra	Giữa kỳ		Cuối kỳ	
Nội dung	Lý thuyết	Thực tập	Lý thuyết	Thực tập
Thời điểm	Mỗi bài giảng	Mỗi buổi thực tập	Cuối tuần 9	Trong tuần 9
Công cụ	MCQ 4 chọn 1	Portfolio - MiniCEX	MCQ 4 chọn 1	OSE
Số câu hỏi	120 câu (8 câu/ buổi)	4 chỉ tiêu/ phân môn	80 câu (90 phút)	1 ca dài – 45 phút

Chỉ tiêu thực tập mỗi trại	<ul style="list-style-type: none">Tim mạch: Tăng huyết áp, suy tim mạn, hội chứng mạch vành cấp, hội chứng mạch vành mạn, bệnh van tim, phù phổi cấp.Hô hấp: Nhiễm khuẩn hô hấp dưới, tắc nghẽn hô hấp dưới, ho ra máu, tràn dịch màng phổi, suy hô hấp.Tiêu hoá: Viêm tụy cấp, xơ gan, bệnh liên quan axit dịch vị, xuất huyết tiêu hóa.Thận: Tổn thương thận cấp, bệnh thận mạn, bệnh thận do đái tháo đường, nhiễm trùng tiểu.	Phân bố theo tỷ trọng các mục tiêu riêng biệt của mỗi chuyên khoa	Bảng kiểm dùng cho hội thi lâm sàng có cấu trúc (OSE)
----------------------------	--	---	---

NỘI DUNG LƯỢNG GIÁ LÝ THUYẾT

Mục tiêu	Mức độ lượng giá			Tỷ trọng
	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	
Tích hợp kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, bệnh học, điều trị học, và y học chứng cứ để thiết lập và đánh giá chế độ điều trị các bệnh lý nội khoa phổ biến tại Việt Nam	20%	40%	40%	100%
<ul style="list-style-type: none">Tim mạch<ul style="list-style-type: none">Tăng huyết ápSuy tim mạnHội chứng mạch vành cấpHội chứng mạch vành mạnBệnh van timPhù phổi cấp				30%
	0.9%	1.8%	1.8%	
	0.9%	1.8%	1.8%	
	0.9%	1.8%	1.8%	
	0.9%	1.8%	1.8%	
	0.9%	1.8%	1.8%	
	0.5%	1.0%	1.0%	
<ul style="list-style-type: none">Hô hấp<ul style="list-style-type: none">Suy hô hấpNhiễm khuẩn hô hấp dướiTắc nghẽn hô hấp dướiHo ra máuTràn dịch màng phổi				25%
	1.0%	2.0%	2.0%	
	1.0%	2.0%	2.0%	
	1.0%	2.0%	2.0%	
	1.0%	2.0%	2.0%	
	0.5%	1.0%	1.0%	
	0.5%	1.0%	1.0%	
<ul style="list-style-type: none">Tiêu hóa				25%
	1.25%	2.5%	2.5%	

<ul style="list-style-type: none"> Viêm tụy cấp Xơ gan Bệnh liên quan tiết acid dịch vị Xuất huyết tiêu hóa trên 	1.25%	2.5%	2.5%	
	1.25%	2.5%	2.5%	
	1.25%	2.5%	2.5%	
<ul style="list-style-type: none"> Thận học Bệnh thận mạn Tổn thương thận cấp Bệnh thận đái tháo đường Nhiễm trùng tiểu 				20%
	1.5%	3.0%	3.0%	
	1.5%	3.0%	3.0%	
	0.5%	1.0%	1.0%	
	1.5%	3.0%	3.0%	

Qui định tính điểm lý thuyết học phần:

Điểm tổng cộng = (Điểm MCQ pretest x 0,1) + (Điểm thảo luận x 0,2) + (Điểm MCQ cuối kỳ x 0.7)

*** ĐẠT LÝ THUYẾT HỌC PHẦN:**

Tiêu chí: Khi điểm thi cuối kỳ ≥ 4 VÀ điểm tổng cộng ≥ 4 .

Ghi điểm: Nếu điểm cuối kỳ đạt ≥ 4 và tổng điểm lý thuyết ≥ 4 : ghi tổng điểm lý thuyết

*** KHÔNG ĐẠT LÝ THUYẾT HỌC PHẦN:**

Tiêu chí: Khi điểm cuối kỳ < 4 HOẶC tổng điểm lý thuyết < 4 .

Cách ghi điểm: Ghi điểm lý thuyết cuối kỳ không đạt.

* Sinh viên vắng học lý thuyết $> 2/15$ buổi, sẽ không được dự thi MCQ cuối kỳ, phải học trở lại các buổi vắng vào khóa sau thì mới được dự thi MCQ cuối kỳ

NỘI DUNG LƯỢNG GIÁ THỰC HÀNH (100% mục tiêu đều lượng giá ở mức độ áp dụng)

MT	Mô tả mục tiêu	Tỷ trọng
2	Viết và trình bày bệnh án chẩn đoán, điều trị và phòng ngừa các bệnh nội khoa phổ biến tại Việt Nam.	60%
3	Tích hợp kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, bệnh học, điều trị học, và y học chứng cứ để thực hiện các thủ thuật đơn giản chẩn đoán, điều trị, và phòng ngừa các bệnh nội khoa phổ biến tại Việt Nam	20%
4	Tham vấn bệnh nhân và gia đình về biện pháp chẩn đoán, điều trị và phòng ngừa các bệnh nội khoa phổ biến tại Việt Nam trên cơ sở tôn trọng các chuẩn mực đạo đức và qui tắc ứng xử với bệnh nhân.	10%
5	Hợp tác với các nhân viên y tế khác trong và ngoài chuyên ngành trong chẩn đoán, điều trị, phòng ngừa các bệnh nội khoa phổ biến tại Việt Nam trên cơ sở tôn trọng các chuẩn mực đạo đức và qui tắc ứng xử với đồng nghiệp.	10%

Qui định tính điểm thực hành học phần:

Điểm tổng cộng = (Điểm giữa kỳ x 0,4) + (Điểm cuối kỳ x 0,6)*

*** ĐẠT THỰC HÀNH HỌC PHẦN:**

Tiêu chí: Khi điểm thi cuối kỳ ≥ 4 VÀ điểm tổng cộng ≥ 4 .

Ghi điểm: Nếu điểm cuối kỳ ≥ 4 và tổng điểm thực hành ≥ 4 : ghi tổng điểm thực hành

*** KHÔNG ĐẠT THỰC HÀNH HỌC PHẦN:**

Tiêu chí: Khi điểm cuối kỳ < 4 HOẶC tổng điểm thực hành < 4 .

Cách ghi điểm: Ghi điểm thực hành cuối kỳ không đạt.

V. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

- Lý thuyết được dạy tại trường vào các buổi chiều thứ ba và thứ năm hàng tuần từ 13:30 – 15:30 (2 tiết cho mỗi buổi). Tổng thời gian học tập lý thuyết là 15 buổi, trong 8 tuần, cuối tuần thứ 9 sẽ thi.
 - Phương pháp giảng dạy lý thuyết là thảo luận ca lâm sàng chuẩn (CBL) do giảng viên chuẩn bị, cho từng nhóm lớn 96 sinh viên, mỗi nhóm lớn có 12 nhóm nhỏ, mỗi nhóm nhỏ có 8 sinh viên. Thảo luận ca lâm sàng lưu ý minh họa các chủ điểm lý thuyết nội khoa.
 - Tại nhà, sinh viên phải đọc bài word, xem bài powerpoint và xem video bài giảng về chủ điểm sẽ thảo luận trong ca lâm sàng đã được tải lên e-learning từ trước.
 - Từ 18:00 – 18:30 chiều thứ hai và thứ tư hàng tuần, sinh viên phải trả lời qua e-learning 8 câu hỏi MCQ cho bài học sẽ học vào chiều hôm sau. Mỗi câu trả lời đúng sẽ được cho 1 điểm. Tổng số điểm tối đa của phần trả lời câu MCQ tại nhà là $8 \times 15 \text{ buổi} = 120 \text{ điểm}$. Điểm này sau đó được qui ra thang điểm trên 10, được xem là một thành phần của điểm lý thuyết giữa kỳ, chiếm tỷ trọng 10% điểm lý thuyết học phần.
 - Tại từng buổi học, sinh viên tham gia thảo luận trong nhóm 8 người và trình bày kết quả thảo luận cho nhóm lớn. Hai giảng viên và một bác sĩ nội trú trợ giảng hướng dẫn thảo luận, đồng thời theo dõi và đánh giá quá trình tham gia thảo luận của từng sinh viên. Mỗi thành viên sẽ hướng dẫn, theo dõi và đánh giá từ 4 nhóm nhỏ 8 người. Vào cuối mỗi buổi, giảng viên sẽ cho điểm thảo luận cho từng sinh viên trong nhóm phụ trách theo qui định: Vắng học (vì mọi lý do) $\rightarrow 0$ điểm; Có mặt nhưng không phát biểu $\rightarrow 0,5$ điểm; Phát biểu 1 lần $\rightarrow 1$ điểm; Phát biểu từ ≥ 2 lần $\rightarrow 1,5$ điểm; Phát biểu hay, súc tích theo đánh giá của giảng viên $\rightarrow 2$ điểm. Tổng số điểm tối đa của phần thảo luận trên lớp là $2 \times 15 = 30 \text{ điểm}$. Điểm này sau đó được qui ra thang điểm 10, được xem là một thành phần của điểm lý thuyết giữa kỳ, chiếm tỷ trọng 20% điểm lý thuyết.

- Cuối đợt học lý thuyết, sinh viên thi kết thúc 80 câu hỏi MCQ. Mỗi câu đúng được 1 điểm. Tổng điểm tối đa là 80 điểm. Điểm này được qui ra điểm 10 theo qui tắc: từ 0 – 40 điểm, cứ mỗi 10 câu đúng được 1 điểm; từ 41 – 80 điểm, cứ thêm được 7 câu đúng sẽ thêm 1 điểm cho đến 9 điểm, thêm được 5 câu đúng cuối cùng sẽ được 10 điểm. Điểm thi lý thuyết cuối kỳ chiếm tỷ trọng 70% điểm toàn bộ.
- Thực hành được dạy tại 03 bệnh viện thực hành: Chợ Rẫy, Nhân dân Gia Định, Đại Học Y Dược, vào các buổi sáng từ thứ hai đến thứ sáu, từ 7:00 – 11:30. Tổng thời gian thực hành là 8 tuần, 40 buổi, 120 tiết.
 - Sinh viên chia thành 4 đợt, mỗi đợt 12 tổ, mỗi tổ có 8 sinh viên, tổng cộng 96 sinh viên. 96 sinh viên chia ra tiếp thành 4 nhóm lớn đi ba bệnh viện thực hành theo tỷ lệ: 6 tổ (48 sinh viên) cho BV Chợ Rẫy, 4 tổ (32 sinh viên) cho BV Nhân dân Gia Định, và 2 tổ (16 sinh viên) cho BV ĐHYD. Tại mỗi bệnh viện sinh viên sẽ được chia nhỏ thành 4 nhóm, mỗi nhóm có 12 (BVCR), 8 (BV NDGD) và 4 sinh viên (BV ĐHYD) sinh viên xoay vòng qua bốn trại bệnh tim mạch, hô hấp, tiêu hóa, và thận.
 - Sinh viên được chia vào các nhóm chăm sóc bao gồm: 1 giảng viên + 2 đến 3 sinh viên $Y_6 + 1 - 2$ sinh viên $Y_4 + 3 - 4$ sinh viên Y_3 . Mỗi nhóm chăm sóc tối đa có từ 6 – 9 sinh viên và 1 giảng viên. Tùy theo tình hình bệnh viện, nhóm chăm sóc có thể có thêm một bác sỹ nội trú giữ vai trò trợ giảng. Số lượng sinh viên trong một nhóm vào một thời điểm không vượt quá 10 người.
 - Phương pháp giảng dạy thực hành chủ yếu là giảng dạy tại giường bệnh (**bedside teaching**) kết hợp với phản hồi tức thời (**realtime feedback**) từ giảng viên và từ đồng môn (**faculty feedback** và **peer feedback**) cho từng sinh viên trên các ca lâm sàng thực (real case) sinh viên theo dõi mỗi ngày. Sinh viên thảo luận từng ca lâm sàng: phân tích kết quả cận lâm sàng, đề ra phương án điều trị và phòng ngừa cho ca đó với giảng viên và các bạn trong nhóm chăm sóc.
 - Tại nhà, sinh viên phải đọc bài word, xem video bài giảng về các chủ điểm thực hành, và làm các bài tập (nếu có) cho các bài phân tích kết quả cận lâm sàng. Sinh viên phải chuẩn bị sẵn sàng để áp dụng cho ca lâm sàng thực, thảo luận phân tích kết quả cận lâm sàng, và đề ra kế hoạch điều trị và phòng ngừa khi đi thực tập.
 - Hàng ngày giảng viên hướng dẫn, theo dõi và đánh giá tính chuyên cần, tích cực thực hành. Giảng viên dùng Checklist, MiniCEX đánh giá nhanh quá trình thực tập của sinh viên. Sinh viên phải chủ động hoàn thành các chỉ tiêu thực tập, nhờ giảng viên xem và xác nhận vào sổ tay thực tập (Portfolio). Kết quả đánh giá thực hành hàng ngày là điều kiện cần để thi kết thúc thực tập.

Sinh viên vắng $\geq 2/10$ buổi thực tập của từng phân môn hoặc $\geq 5/40$ buổi không có phép của toàn bộ đợt thực tập sẽ bị cấm thi cuối kỳ. Sinh viên vắng 2 buổi có phép được tính thành 1 buổi không phép. Nếu sinh viên bị cấm thi cuối kỳ, để đủ điều kiện thi thực hành lần 2: SV phải thực tập lại 50% tổng thời gian thực hành của môn học trong thời gian trước hè.

- Cuối tuần đầu tiên của mỗi trại thực tập trong mỗi phân môn, sinh viên viết và trình bày bệnh án của một bệnh nhân thật, giảng viên dùng bảng kiểm OSE giữa kỳ để đánh giá và cho điểm sinh viên. Kết quả thi này là điểm thực hành giữa kỳ, chiếm 40% điểm thực hành học phần toàn bộ.
- Tuần lễ thứ 9, sinh viên không thực tập, sẽ được ở nhà ôn bài và chỉ vào thi một buổi trong tuần theo lịch bắt thăm. Bài thi cuối kỳ là bắt thăm ngẫu nhiên một bệnh nhân thật trong bốn phân môn, viết và trình bày bệnh án. Giảng viên dùng bảng kiểm OSE để đánh giá sinh viên. Điểm cuối kỳ chiếm 60% điểm thực tập học phần.

STT	TÊN BÀI GIẢNG LÝ THUYẾT	Số tiết	MT	Đánh giá
1.	Tiếp cận điều trị tăng huyết áp	2		
2.	Tiếp cận điều trị suy tim mạn	2	1	MCQ Pretest, Thảo luận tại lớp, MCQ cuối kỳ
3.	Tiếp cận điều trị hội chứng mạch vành cấp	2		
4.	Tiếp cận điều trị hội chứng mạch vành mạn	2		
5.	Tiếp cận điều trị bệnh van tim	2		
6.	Tiếp cận điều trị phù phổi cấp	Tự đọc		
7.	Tiếp cận điều trị nhiễm khuẩn hô hấp dưới	2	1	
8.	Tiếp cận điều trị tắc nghẽn hô hấp dưới	2		
9.	Tiếp cận điều trị ho ra máu	Tự đọc		
10.	Tiếp cận điều trị tràn dịch màng phổi	Tự đọc		
11.	Tiếp cận điều trị suy hô hấp	2		
12.	Tiếp cận điều trị viêm tụy cấp	2		
13.	Tiếp cận điều trị xơ gan	2		
14.	Tiếp cận điều trị xuất huyết tiêu hóa trên	2		
15.	Tiếp cận điều trị bệnh tiêu hóa liên quan acid dịch vị	2		
16.	Tiếp cận điều trị bệnh thận mạn	2		

17.	Tiếp cận điều trị tổn thương thận cấp	2		
18.	Tiếp cận điều trị bệnh thận đái tháo đường	Tự đọc		
19.	Tiếp cận điều trị nhiễm khuẩn đường tiết niệu	2		
	Tổng cộng	30 tiết		

Thực hành

STT	TÊN BÀI GIẢNG THỰC HÀNH	MỤC TIÊU	Đánh giá
1.	Kỹ thuật đo huyết áp tư thế và Hạ huyết áp tư thế	3	Portfolio MiniCEX
2.	Kỹ thuật ấn xoang cảnh	3	
3.	Kỹ thuật chọc dò dịch báng	3	
4.	Kỹ thuật lấy khí máu động mạch	3	
5.	Sử dụng dụng cụ hít trong trong điều trị bệnh lý hô hấp		
6.	Cách lấy bệnh phẩm nước tiểu trong bệnh lý thận niệu	3	

PHÂN BỐ NỘI DUNG GIẢNG THEO TUẦN

Lịch giảng lý thuyết chung vào buổi chiều thứ 3 và thứ 5 hàng tuần từ 13:30 – 15:00 (2 tiết)

- Xem file lịch giảng lý thuyết chi tiết

Lịch hướng dẫn thực hành các buổi sáng từ thứ 2 đến thứ 6 tại bệnh viện từ 7:00 – 11:30 (3 tiết)

Sinh viên luân chuyển qua xoay vòng qua các phân môn, mỗi phân môn 2 tuần.

- Xem file lịch thực hành lâm sàng chi tiết
- 7:00 – 9:00: sinh viên khám bệnh, làm bệnh án, ghi hồ sơ tại phòng bệnh
- 9:00 – 10:00: giảng viên đi buồng: sinh viên trình bệnh, giảng viên cho phản hồi cho sinh viên
- 10:00 – 11:30: sinh viên hỏi hay khám lại bệnh nhân, xem lại cận lâm sàng, xem lại phương án điều trị và phòng ngừa bệnh, thảo luận với các bạn trong nhóm chăm sóc.
- 10:00 – 11:30 vào ngày cuối tuần thứ nhất của mỗi trại, giảng viên sẽ phản hồi bệnh án cho sinh viên mình phụ trách để lấy điểm giữa kỳ.

VI. QUY ĐỊNH CỦA MÔN HỌC

Qui định học lý thuyết

- Sinh viên đi học đầy đủ và đúng giờ. Sinh viên đến trễ 15 phút sẽ không được cho phép vào học và sẽ bị tính vắng mặt 1 buổi.
- Sinh viên vắng mặt $\geq 3/15$ buổi học lý thuyết tính chung cho cả bốn phân môn sẽ không được tham dự thi MCQ cuối kỳ.
- Sinh viên bị cấm thi vì không đi học đủ bài lý thuyết, phải đi học lại trong những đợt kế tiếp những buổi còn thiếu mới được dự thi MCQ cuối kỳ với đợt kế tiếp.
- Điểm lý thuyết là **ĐẠT** khi bài thi lý thuyết cuối đợt ≥ 4 VÀ tổng điểm lý thuyết cuối cùng ≥ 4 .
- Sinh viên đủ điều kiện dự thi MCQ cuối kỳ nhưng thi rớt, được phép thi lại MCQ lần 2 tổ chức vào cuối năm học mà không cần dự lại các buổi lý thuyết.
- Đối với các sinh viên thi lý thuyết 2 lần không đạt, sinh viên sẽ học lại toàn bộ phần lý thuyết và thi vào những năm học sau

Qui định học thực tập

- Sinh viên đi học đầy đủ và đúng giờ. Sinh viên đến trễ 15 phút sẽ bị tính vắng mặt 1 buổi.
- Sinh viên vắng mặt quá 20% tổng số buổi học cho từng phân môn tim mạch, hô hấp, tiêu hóa, thận học ($\geq 2/10$ buổi không phép) sẽ không được tham dự thi cuối kỳ. Vắng 2 buổi có phép qui thành vắng 1 buổi không phép.
- Sinh viên phải hoàn thành tất cả các chỉ tiêu thực tập tại từng phân môn, được giảng viên kiểm tra, ký xác nhận trên nhật ký thực hành mới đủ điều kiện dự thi cuối kỳ.
- Sinh viên phải thi giữa kỳ vào đầu tuần lễ thứ hai tại tất cả các phân môn và được cho điểm đầy đủ mới đủ điều kiện dự thi cuối kỳ.
- Sinh viên bị cấm thi cuối kỳ vì không đi thực tập đủ, phải đi thực tập lại trong thời gian ngay sau khi kết thúc 5 đợt thực hành với thời lượng tương ứng 4 tuần (50% tổng thời lượng thực hành nội) trong thời gian trước hè mới được dự thi lần 2 tổ chức vào cuối năm học.
- Điểm thực hành là **ĐẠT** khi điểm cuối kỳ ≥ 4 và tổng điểm thực hành đồng thời đạt ≥ 4 .
- Sinh viên đủ điều kiện dự thi cuối kỳ nhưng thi rớt, được phép thi lại lần 2 tổ chức vào cuối năm học mà không cần phải thực tập lại.

Đại học Y Dược Tp. HCM
Khoa Y – Bộ môn Nội

- Đối với sinh viên thi 2 lần thực hành không đạt: sinh viên phải học lại toàn bộ phần thực hành và thi vào những năm học sau.

VII. PHỤ TRÁCH MÔN HỌC

- Khoa/Bộ môn: Bộ Môn Nội tổng quát – Khoa Y Đại Học Y Dược TPHCM
- Địa chỉ liên hệ: 217 Hồng Bàng – Q5 – Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên hệ: 028 38434629

Ngày tháng năm 2021

Chủ nhiệm bộ môn Nội tổng quát

TS. BS. Hoàng Văn Sỹ